

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/KDTM-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 173/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH T1, địa chỉ: T đất số 80, tờ bản đồ số 2, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thiết T, chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật; ông T có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH K, địa chỉ: số D KL, Võ Thị S, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Dương Thị Kim O và bà Đỗ Thị Hồng N, địa chỉ liên hệ: số A đường D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024); bà O, bà N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Thiết T thống nhất trình bày:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022, căn cứ vào đơn đặt hàng của Công ty TNHH K (sau đây gọi là Công ty K), Công ty TNHH T1 (sau đây gọi là Công ty T1) đã giao cho Công ty K nhiều đợt hàng hóa là nguyên, vật liệu trong sản xuất ghế S1 (chân trước, chân sau, thanh ngang ...).

Công ty T1 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng, gửi đến Công ty K, để yêu cầu thanh toán, cụ thể:

- Lần 1: Hóa đơn số 85 ngày 27/10/2021 số tiền 197.890.000 đồng; Lần 2: Hóa đơn số 89 ngày 25/11/2021 số tiền 676.341.600 đồng; Lần 3: Hóa đơn số 97 ngày 25/12/2021 số tiền 286.339.350 đồng; Lần 4: Hóa đơn số 98 ngày 15/01/2022 số tiền 196.416.000 đồng. Tổng số tiền hàng theo 04 hóa đơn là: 1.356.986.950 đồng.

Theo thỏa thuận giữa hai bên thì trong thời hạn 45 ngày kể từ khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) thì Công ty K sẽ thanh toán cho Công ty T1. Công ty K đã nhận hàng đầy đủ, Công ty T1 cũng đã xuất hóa đơn VAT theo quy định. Ngày 17/5/2022, bà Giang Diễm L là người đại diện theo pháp luật của Công ty K đã ký tên xác nhận vào Đơn đề nghị thanh toán đề ngày 03/5/2022, trong đó xác nhận nghĩa vụ còn phải thanh toán cho Công ty T1 là 1.767.213.750 đồng, là tổng số tiền của các hóa đơn 56, 66, 78, 85, 89, 97, 98, thanh toán xong vào ngày 30/11/2022. Sau đó, Công ty K chỉ thanh toán một phần. Ngày 13/3/2023, Công ty K xác nhận còn nợ Công ty T1 số tiền 1.289.986.950 đồng. Tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty K còn nợ Công ty T1 số tiền 1.189.986.950 đồng.

Nhận thấy, việc Công ty K không thực hiện đúng việc thanh toán tiền hàng cho Công ty T1 là vi phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T1. Vì vậy, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên giải quyết những về đề sau:

Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền hàng còn nợ là 1.189.986.950 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K trình bày:

Công ty K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty T1. Công ty T1 không chứng minh được việc giao nhận hàng hóa cho Công ty K theo các Hóa đơn đã cung cấp cho Tòa án. Công ty K chưa nhận được các Hóa đơn nêu trên, cũng chưa dùng các Hóa đơn nêu trên để khai báo thuế.

Bà Giang Diễm L ký tên và đóng dấu Công ty K vào Đơn đề nghị thanh toán đề ngày 03/5/2022 là do sức ép từ phía Công ty T1, không đúng ý chí của Công ty K. Tại thời điểm ngày 17/5/2022 bà Giang Diễm L không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K, người đại diện theo pháp luật tại thời điểm đó là bà Giang Mỹ L1. Do đó, xác nhận công nợ vào ngày 17/5/2022 nêu trên của bà Giang Diễm L không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tương tự, Biên bản xác nhận công nợ ngày 13/3/2023 cũng là do sức ép từ phía Công ty T1 không đúng ý chí của Công ty K, người ký tên vào Biên bản xác nhận công nợ nêu trên cũng không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty K phải trả số tiền còn nợ, xuất phát từ việc mua bán nguyên, vật liệu trong sản xuất ghế S1 (chân trước, chân sau, thanh ngang ...), đây là vụ án kinh doanh thương mại: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu bị đơn Công ty K thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 1.189.986.950 đồng. Chứng cứ để chứng minh yêu cầu là các Hóa đơn số 85 ngày 27/10/2021; Hóa đơn số 89 ngày 25/11/2021; Hóa đơn số 97 ngày 25/12/2021; Hóa đơn số 98 ngày 15/01/2022; Đơn đề nghị thanh toán ngày 03/5/2022 có chữ ký của bà G Diễm L là người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty K và Biên bản xác nhận công nợ ngày 13/3/2023 có con dấu của Công ty K.

[3] Bị đơn Công ty K thừa nhận trước đó có quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty T1 nhưng cho rằng không có quan hệ mua bán hàng hóa, không nhận và sử dụng các Hóa đơn số 85 ngày 27/10/2021; Hóa đơn số 89 ngày 25/11/2021; Hóa đơn số 97 ngày 25/12/2021; Hóa đơn số 98 ngày 15/01/2022 như nguyên đơn trình bày. Và thừa nhận ngày 17/5/2022 bà Giang Diễm L có ký tên và đóng dấu vào Đơn đề nghị thanh toán ngày 03/5/2022; tuy nhiên việc ký và đóng dấu không đúng ý chí và bà G Diễm L không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K nên việc xác nhận của bà Giang Diễm L không có giá trị pháp lý.

[4] Tuy nhiên, tại Công văn số 2209/CTBDU-TTKT5 ngày 03/6/2024 và Công văn số 2425/CTBDU-TTKT5 ngày 17/6/2024, Cục Thuế tỉnh B xác định

Công ty K có sử dụng các Hóa đơn số 85 ngày 27/10/2021; Hóa đơn số 89 ngày 25/11/2021; Hóa đơn số 97 ngày 25/12/2021; Hóa đơn số 98 ngày 15/01/2022 để kê khai thuế.

[5] Đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng tại thời điểm ngày 17/5/2022, bà Giang Diễm L không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K nên việc xác nhận, ký tên và đóng dấu của bà Giang Diễm L vào Đơn đề nghị thanh toán ngày 03/5/2022 không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, căn cứ theo trả lời của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 của Công ty TNHH K thì từ ngày 01/3/2022, bà Giang Diễm L đã người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K.

[6] Đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng ngày 17/5/2022, bà Giang Diễm L ký vào Đơn đề nghị thanh toán đề ngày 03/5/2022 dưới sức ép của Công ty T1 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, ông Dương Thiết T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 cũng không thừa nhận việc này. Ông Dương Thiết T cho rằng chỉ sau khi Công ty K không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán toàn bộ số tiền nợ vào ngày 30/11/2022 thì ngày 13/3/2023, ông Dương Thiết T mới cùng với những người của Công ty TNHH M nợ Đất Việt đến Công ty K để xác nhận công nợ đến ngày 13/3/2023.

[6] Như đã phân tích tại mục [3], [4], [5], [6] có căn cứ để xác định bị đơn Công ty K còn nợ nguyên đơn Công ty T1 số tiền 1.189.986.950 đồng; ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Như vậy, Công ty K đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1, buộc Công ty K thanh toán cho Công ty T1 số tiền nợ gốc 1.189.986.950 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền nợ gốc 1.189.986.950 (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH K phải chịu 47.699.500 (bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T1 (hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001791 ngày 22-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần